TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2024/HS-ST
Ngày 29/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Lượng và ông Hoàng Thanh Nghệ.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương và Trại tạm giam Công an tỉnh T. Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 15/03/2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 18/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Đồng Văn T, sinh ngày 20/9/2000 tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Đồng Văn C, sinh năm 1958 và bà Lê Thị C1, sinh năm 1967; vợ con: Chưa có.

- Tiền sự: Không.
- Tiền án: 02 tiền án.

+ Tại bản án số 55/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Đồng Văn T 01 năm 02 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

+ Tại bản án số 72/2021/HS-ST ngày 08/9/2021 của TAND huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Đồng Văn T 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án số 55/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 02 năm 02 tháng tù (không tính tái phạm). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/7/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

2. Nguyễn Văn C2, sinh ngày 03/5/1995 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Con ông

Nguyễn Văn N, sinh năm 1967 và bà Lại Thị H, sinh năm 1968; vợ: Lê Thu T1 (đã chết); con: Có 01 con.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 16/2017/HSST ngày 28/02/2017 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn C2 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2023.

- Nhân thân: Tại bản án số 33/2011/HSST ngày 17/8/2011 của TAND huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn C2 02 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong ngày 11/02/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Phạm Đức H1, sinh ngày 24/4/2006 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho bị hại H1, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1974 - Bố đẻ.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/11/2023, bị cáo Đồng Văn T gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn C2 (T và C2 quen biết nhau khi cùng đi chấp hành án phạt tù), và nói với C2 *"ở nhà chán quá"* thì C2 bảo T mượn xe mô tô xuống nhà Chung chơi. Đồng thời lúc này có Phạm Đức H1 (là bạn quen hệ xã hội với T) có điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ - đen - xám, biển số đăng ký 22B1 - 075.12 đang ở nhà T. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho C2 nói *"Bây giờ em mượn được xe thằng em nhưng mà nó đi xuống cùng em, tý em gọi thì anh bảo như thế này hộ em"* (ý là nói dối hộ cho T). T bảo C2 nói dối là *"anh nói là chỗ mày hỏi vay tiền được rồi đấy, thu xếp xuống mà lấy"*, C2 đồng ý và nói *"Ok, có gì gọi cho anh"*. Sau đó T rủ H1 và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ-đen-xám, biển số đăng ký 22B1 - 075.12 (xe H1 mượn của bố đẻ là ông Phạm Văn H2) chở H1 đến nhà Chung, thì C2 bảo T và H1 ra ngoài quán nước ngồi đợi, sau đó C2 ra ngồi cùng uống nước. Lúc này T nảy sinh ý định lừa đảo và nói với C2 là mang xe của H1 đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, C2 đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở C2 và H1 đến khu vực ngã ba thuộc huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. C2 nói *"ở đây có Cảnh sát giao thông không đi ba được"*, T và C2 bảo H1 vào quán nước ngồi đợi, nói dối là đi vay tiền tý nữa sẽ quay lại đón. H1 đồng ý, sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô chở C2 đến nhà Dương Văn C3 (C2 và C3 quen nhau khi cùng đi chấp hành án), nhờ C3 tìm hộ chỗ cầm cố xe thì C3 dẫn C2 và T đến nhà Đại Văn H3 cầm cố chiếc xe được 1.500.000 đồng. Sau đó T và C2 đi về xã S, huyện S cùng nhau chi tiêu cá nhân hết. Sau nhiều lần Phạm Đức H1 gọi điện đòi lại xe mô tô, thì C2 gọi điện thoại nhờ C3 chuộc lại chiếc xe mô tô trên. Nhưng không có tiền nên C3 đã nhờ Lê Văn M (bạn của C3) đến gặp Đại Văn H3 chuộc lại xe mô tô hết 2.000.000 đồng mang về để ở nhà M. Ngày 12/12/2023, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra biết tài sản

trên do phạm tội mà có, Lê Văn M đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Xe mô tô biển số đăng ký 22B1 - 075.12 giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSSD ngày 14 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Đồng Văn T, Nguyễn Văn C2 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đồng Văn T, Nguyễn Văn C2 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đồng Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C2 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo C2 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03 màu xanh, lắp sim V, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo, buộc bị cáo Chung phải chịu án phí, miễn nộp khoản tiền án phí cho bị cáo T theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Phạm Đức H1 khai tại Cơ quan điều tra thể hiện: Ngày 09/11/2023 anh bị các bị cáo Đồng Văn T, Nguyễn Văn C2 lừa mang xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ - đen - xám, biển số đăng ký 22B1 - 075.12 xuống khu vực huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để đi cắm xe. Hiện anh đã lấy lại xe mô tô, anh không có yêu cầu gì về dân sự, về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn H2 khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thể hiện: Ngày 9/11/2023 anh Phạm Đức H1 lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ - đen - xám, biển số đăng ký 22B1 - 075.12 của ông đi chơi. Sau đó H1 về có nói bị bạn lừa lấy mất xe mang đi cắm. Hiện ông đã lấy lại xe mô tô, ông không có yêu cầu gì về dân sự, về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Đồng Văn T và Nguyễn Văn C2 tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 09/11/2023, tại thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Các bị cáo Đồng Văn T và Nguyễn Văn C2 đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, màu sơn đỏ-đen-xám, biển số đăng ký 22B1 - 075.12 của anh Phạm Đức H1, giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi lừa anh H1 để lấy xe môtô mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo Đồng Văn T, Nguyễn Văn C2 về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đồng Văn T, Nguyễn Văn C2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đồng Văn T, Nguyễn Văn C2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

[3]. Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trì đồng phạm giản đơn, không có tổ chức nên chịu mức án ngang nhau. Các bị cáo có nhân thân xấu, là người đã có tiền án về tội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác chưa được xóa án tích (năm 2021 bị cáo T bị TAND huyện Yên Sơn và TAND thành phố Tuyên Quang xét xử hình phạt tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; năm 2011 bị cáo Chung bị TAND huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử và năm 2017 bị TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử hình phạt tù về tội Cướp tài sản). Các bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân mà còn phạm tội mới, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Do vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhất định mới cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[4]. Về vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Waves, màu đỏ-đen-xám, biển số đăng ký 22B1 - 075.12. Ngày 22/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã trả lại xe cho ông Phạm Văn H2 là chủ sở hữu hợp pháp nên HĐXX không xem xét.

Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03 màu xanh; số IMEI 1:353151338655891, số IMEI 2: 354386518655894 lắp sim Viettel, trên sim ghi số 8984048000930965329, điện thoại cũ đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn C2. Đây là tài sản của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn H2 đã nhận lại xe không yêu cầu bồi thường gì thêm, anh Dương Văn C3 đã trả lại số tiền chuộc xe 2.000.000 đồng cho anh Lê Văn M, anh M không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[6]. Về các vấn đề khác: Đối với Dương Văn C3, Đại Văn H3 và Lê Văn M, không biết tài sản do các bị cáo Đồng Văn T và Nguyễn Văn C2 phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Kiểm sát viên; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C2 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đồng Văn T là hộ nghèo nên được miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại, người đại diện chi bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố: Các bị cáo **Đồng Văn T** và **Nguyễn Văn C2** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Xử phạt bị cáo **Đồng Văn T** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (15/12/2023).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C2** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (15/12/2023).

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C2 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03 màu xanh; số IMEI 1:353151338655891, số IMEI 2: 354386518655894 lắp sim Viettel, trên sim ghi số 8984048000930965329, điện thoại cũ đã qua sử dụng nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

3. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C2 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đồng Văn T.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông H2 có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H3 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến